TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **496/2023/QĐST-HNGĐ**	*Quận X, ngày 07 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X – THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 397, 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 363/2023/HNST ngày 17/8/2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 38 BT, Phường B, Quận M, Thành phố H.

Và ông Nguyễn Duy A, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 132/38 Đoàn Văn Bơ, Phường B, Quận 4, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 8 năm 2023, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Nguyễn Duy A thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 145/2011, quyển số 01/2011 ngày 11/11/2011 tại Ủy ban nhân Phường B, Quận M, Thành phố H*).

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Nguyễn Duy A xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Hải N, sinh ngày 22/6/2013. Các đương sự thỏa thuận: Giao con chung cho bà Phạm Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự thỏa thuận không yêu cầu ông Nguyễn Duy A cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Nguyễn Duy A xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân gia đình: Bà Phạm Thị Hồng T tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Nguyễn Duy A thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 145/2011, quyển số 01/2011 ngày 11/11/2011 tại Ủy ban nhân Phường B, Quận M, Thành phố H*).

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Phạm Hải N, sinh ngày 22/6/2013 cho bà Phạm Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không yêu cầu ông Nguyễn Duy A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Duy A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông Duy A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Nguyễn Duy A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0042391 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Quỳnh